

Bản án số: 32/2021/HS-ST
Ngày: 28-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Quang Kim Cúc - Nghề nghiệp: Nguyên là giáo viên, nguyên Phó Phòng GD-ĐT huyện Lai Vung, hiện đã về hưu.

Ông Nguyễn Phát Triển - Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Vinh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2021/TLST-HS, ngày 21 tháng 5 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXXST-HS, ngày 31 tháng 5 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Võ Thái H, sinh ngày: 24/8/2000, tại Đồng Tháp; nơi cư trú: 141A, K 4, thị trấn L VV, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Thanh P và bà Nguyễn Thị Hồng N; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ: Không; tạm giam: Từ ngày 09/3/2021 cho đến nay. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Hữu T, sinh ngày: 21/7/2002, tại Đồng Tháp; nơi cư trú: 664, K1, thị trấn L V, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu D và bà Lê Thị S; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ: Không; tạm giam: Từ ngày 01/4/2021 cho đến nay. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại:

Trương Thị Kiều O - sinh ngày: 20/11/2004. (có mặt); Nơi cư trú: 284, ấp T T B, xã T D, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại (Trương Thị Kiều O):*

1. Trương Văn D - sinh năm: 1973. (cha ruột bị hại) (có mặt)

2. Văn Kim N - sinh năm: 1980. (mẹ ruột bị hại) (có mặt)

Cùng nơi cư trú: 284, ấp T T B, xã T D, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Trương Thị Kiều O:*
Trợ giúp viên pháp lý: Ông Hà Văn N - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp, Chi nhánh số 1. (vắng mặt)

Địa chỉ: 466 đường N S S, K 5, P 1, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Hữu D - sinh năm: 1979. (vắng mặt)

2. Lê Thị S - sinh năm: 1979. (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: 664, K 1, thị trấn L V, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Thị Hồng N - sinh năm: 1982. (có mặt); Nơi cư trú: khóm M T, phường M P, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Hữu Đ - sinh năm: 1951. (vắng mặt); Nơi cư trú: 340, K 1, thị trấn L V, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

3. Phan Diệu H - sinh năm: 1951. (vắng mặt); Nơi cư trú: 54, K 1, thị trấn L V, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10/2020, Nguyễn Hữu T (sinh ngày: 21/7/2002) có quen biết với em Trương Thị Kiều O (sinh ngày: 20/11/2004) qua mạng xã hội Facebook và nảy sinh tình cảm nam nữ. Vào khoảng 14 giờ ngày 20/10/2020, T chạy xe mô tô đến khu vực gần nhà của em O ở xã Tân Dương, huyện Lai Vung chở O về nhà của Võ Thái H (là bạn của T) ở số 141, Khóm 4, thị trấn Lai Vung, huyện Lai Vung để chơi, T và O cùng sinh hoạt và ở lại nhà của H. Đến khoảng 21 giờ ngày 22/10/2020, T và O ngủ chung trong phòng nhà của H thì T kêu O cho T quan hệ tình dục, T ôm và hôn O, T nói với O “Anh có mua thuốc tránh thai, quan hệ xong em uống thuốc vào thì không sao”, O đồng ý không nói gì, nằm yên cho T cởi đồ mặc trên người của O ra, T tự cởi đồ trên người của T ra, O nằm ngửa đầu quay ra phía trước nhà, T quỳ gối đối diện với O rồi cầm dương vật đang cương cứng thực hiện động tác quan hệ tình dục với O khoảng 20 phút thì xuất tinh ngoài âm hộ của O, T và O tự mặc đồ vào, T có đưa cho O uống 01 viên thuốc tránh thai (không rõ nhãn hiệu). Đến ngày 25/10/2020, T tiếp tục giao cấu với O 01 lần nữa tại phòng ngủ trong nhà của H, T xuất tinh ngoài âm hộ của O. Ngày 27/10/2020, T và O có xảy ra cự cãi nên T bỏ đi làm thuê ở tỉnh Bình Dương, còn O thì tiếp tục ở lại nhà của H.

Sau đó, Võ Thái H (sinh ngày: 24/8/2000) và em Trương Thị Kiều O có nảy sinh tình cảm nam nữ. Đến khoảng 21 giờ ngày 01/11/2020, H và O cùng ngủ chung trong phòng, H ôm O và kêu O cho quan hệ tình dục thì O đồng ý, H cởi hết đồ mặc trên người của O ra, H tự cởi đồ trên người của H ra, O nằm ngửa đầu quay ra phía trước nhà, H quỳ gối đối diện với O rồi cầm dương vật đang cương cứng thực hiện động tác quan hệ tình dục với O khoảng 06 phút thì xuất tinh lên bụng của O, H và O tự mặc đồ vào, H đưa cho O uống 01 viên thuốc tránh thai (không nhớ rõ nhãn hiệu). Tiếp đến, vào khoảng các ngày 04/11/2020, 07/11/2020 và 10/11/2020, H tiếp tục quan hệ tình dục với O thêm 03 lần nữa, các lần quan hệ tình dục O đều đồng ý, H xuất tinh ngoài âm hộ của O, O không có uống thuốc tránh thai. Đến ngày 12/11/2020, ông Trương Văn D (là cha ruột của O) tìm thấy O và rước O về nhà, sau đó ông D tố giác hành vi giao cấu của Nguyễn Hữu T, Võ Thái H với Công an thị trấn Lai Vung, huyện Lai Vung.

Khi ở nhà của H thì Nguyễn Hữu T có mượn O 02 chiếc nhẫn bằng vàng 18kara (không rõ trọng lượng, do bà Văn Kim N là mẹ ruột của O mua cho O) bán được khoảng 1.200.000 đồng, T, O và H đã cùng tiêu xài hết số tiền này.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 80/TD ngày 16/11/2020 của Trung tâm giám định pháp y - Sở y tế tỉnh Đồng Tháp đối với em Trương Thị Kiều O: Âm hộ bình thường; Âm đạo bình thường; Màng trinh dẫn rộng, bờ tù, không bị rách; Bờ trong môi bé có vết trầy xước vị trí 03 giờ, 08 giờ.

Tại bản cáo trạng số 23/CT-VKS, ngày 14/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, đã truy tố Võ Thái H và Nguyễn Hữu T ra trước Toà án nhân dân huyện Lai Vung, để xét xử về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo điểm a khoản 2 Điều 145 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Võ Thái H và bị cáo Nguyễn Hữu T khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung truy tố các bị cáo về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

- Bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại đồng ý xét xử vắng mặt Trợ giúp viên pháp lý và không yêu cầu Luật sư để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

- Bị hại Trương Thị Kiều O trình bày: Khoảng tháng 10/2020, O có quen với T qua mạng xã hội Facebook và có tình cảm với nhau, khoảng 14 giờ ngày 20/10/2020 T đến gần nhà của O rước O đến nhà của H bạn T ở K 4, thị trấn L V, khi ở nhà H T đã giao cấu với O 02 lần, sau đó T và O cãi nhau và T bỏ đi Bình Dương làm. O tiếp tục ở lại nhà H và H đã giao cấu với O 04 lần, những lần T và H giao cấu O đều tự nguyện. Khi ở nhà H thì T có mượn của O 02 chiếc nhẫn bằng vàng 18kara bán được khoảng 1.200.000 đồng cả 03 đã tiêu xài hết. O và gia đình đã nhận 10.000.000 đồng tiền bồi thường từ gia đình bị cáo T, O yêu cầu T tiếp tục bồi thường 10.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần, yêu cầu H bồi thường 20.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần, số tiền bán 02 nhẫn vàng O không yêu cầu T và H bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho H và T, ngoài ra không trình bày gì thêm.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại Trương Thị Kiều O là anh Trương Văn D và chị Văn Kim N cùng trình bày: Lời khai của O là tự nguyện, không ai ép buộc, việc O bị T và H thực hiện hành vi giao cấu thì gia đình không hay biết gì. Đến ngày 12/11/2020, anh D đi tìm thì thấy O và rước O về nhà, khi về nhà O đã kể lại sự việc cho gia đình biết, sau đó anh D đã tố giác hành vi giao cấu của Nguyễn Hữu T, Võ Thái H với Công an thị trấn Lai Vung, huyện Lai Vung. Gia đình anh chị đã nhận 10.000.000 đồng tiền bồi thường từ gia đình bị cáo T, anh chị yêu cầu T tiếp tục bồi thường 10.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần, yêu cầu H bồi thường 20.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần, số tiền bán 02 nhẫn vàng anh chị không yêu cầu T và H bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho H và T, ngoài ra không trình bày gì thêm.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Vào các ngày 22/10/2020, 25/10/2020, tại nhà của Võ Thái H, ở số 141, K 4, thị trấn L V, huyện Lai Vung, Nguyễn Hữu T (18 tuổi 03 tháng) lợi dụng mối quan hệ tình cảm nam nữ, nhẹ dạ và nhận thức có phần hạn chế để giao cấu với em Trương Thị Kiều O (15 tuổi 11 tháng) 02 lần, các lần giao cấu O đều tự nguyện, ngày 27/10/2020 T đi khỏi nhà của H, còn O thì tiếp tục ở lại nhà của H. Sau đó, Võ Thái H (20 tuổi 02 tháng) và O có nảy sinh tình cảm nam nữ nên vào các ngày 01/11/2020, 04/11/2020, 07/11/2020 và 10/11/2020, H giao cấu với O 04 lần, các lần giao cấu O đều tự nguyện, khi thực hiện hành vi các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo H tự thú, gia đình bị cáo T đã khắc phục một phần hậu quả cho bị hại, bị hại và đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 145; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Võ Thái H từ 02 năm tù đến 03 năm tù giam; áp dụng điểm a khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T từ 02 năm tù đến 03 năm tù giam.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 592 Bộ luật dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại với bị cáo Võ Thái H và Nguyễn Hữu T, buộc bị cáo Nguyễn Hữu T tiếp tục bồi thường thiệt hại tổn thất tinh thần cho em Trương Thị Kiều O 10.000.000 đồng; bị cáo Võ Thái H bồi thường thiệt hại tổn thất tinh thần cho em Trương Thị Kiều O 20.000.000 đồng.

Đối với việc T có mượn của O 02 chiếc nhẫn bằng vàng 18kara (không rõ trọng lượng, do bà Văn Kim N là mẹ ruột của O mua cho O) bán được khoảng 1.200.000 đồng để T, O và H cùng tiêu xài, Trương Thị Kiều O, chị Văn Kim N và anh Trương Văn D không yêu cầu T và H bồi thường đối với tài sản này, nên không đề nghị xem xét.

Về xử lý vật chứng: Không có.

Bị cáo Võ Thái H và bị cáo Nguyễn Hữu T thống nhất với Bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, không tranh luận gì. Các bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên của huyện Lai Vung trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Bị cáo Võ Thái H đã có hành vi giao cấu với bị hại Trương Thị Kiều O 04 lần, bị cáo Nguyễn Hữu T đã có hành vi giao cấu với bị hại Trương Thị Kiều O 02 lần khi bị hại Kiều O chỉ 15 tuổi 11 tháng. Lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với hiện trường vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó lời nhận tội của các bị cáo là có căn cứ, các bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật đồng thời biết rõ bị hại Trương Thị Kiều O chưa đủ 16 tuổi nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi giao cấu với bị hại Trương Thị Kiều O, các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, cho nên hành vi của các bị cáo Võ Thái H và bị cáo Nguyễn Hữu T có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” phạm vào điểm a khoản 2 Điều 145 của Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 142 và Điều 144 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. ...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Phạm tội 02 lần trở lên; ...”.

[3] Về tính chất, mức độ tội phạm: Hành vi của các bị cáo Võ Thái H và bị cáo Nguyễn Hữu T là rất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương, kỷ cương pháp luật bị xâm hại, xâm phạm đến danh dự và nhân phẩm của trẻ em, làm tổn hại đến sự phát triển về tinh thần và thể chất của Trương Thị Kiều O, vi phạm nếp sống lành mạnh, thuần phong mỹ tục và văn minh của xã hội, vì muốn thỏa mãn dục vọng của bản thân và lợi dụng sự nhẹ dạ của Trương Thị Kiều O, các bị cáo đã bất chấp dư luận, cố ý thực hiện hành vi giao cấu với Trương Thị Kiều O khi Kiều O chưa đủ 16 tuổi, vì vậy việc đưa các bị cáo ra xét xử như ngày hôm nay là cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời nhằm mục đích giáo dục phòng ngừa chung trong xã hội, qua phiên tòa này cũng cần nghiêm khắc phê

phán những bậc làm cha mẹ đã thiếu sự quan tâm chăm sóc đối với con cái, nhất là các cháu gái, đó là điều kiện dẫn đến sự đáng tiếc như vụ án này. Xét tính chất, mức độ, ý thức và hậu quả phạm tội, cần có mức hành phạt tương xứng đối với các bị cáo, để giáo dục các bị cáo trở thành người tốt có ích cho gia đình, xã hội và phòng ngừa chung cho những ai có tư tưởng như các bị cáo.

[4] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hữu D và Lê Thị S vắng mặt tại phiên tòa qua lời khai có trong hồ sơ vụ án bà Lê Thị S khai: bà là mẹ ruột của bị cáo T, bà đã xuất ra số tiền 10.000.000 đồng bồi thường cho gia đình bị hại O để khắc phục hậu quả cho bị cáo, bà không yêu cầu bị cáo T trả lại cho bà số tiền này và không yêu cầu gì.

Đối với người làm chứng có mặt và vắng mặt tại phiên tòa, nhưng qua các lời khai tại phiên tòa và các lời khai có trong hồ sơ vụ án những người này trình bày đúng như nội dung vụ án.

Trợ giúp viên bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại vắng mặt nhưng bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại đồng ý xét xử và không có ý kiến, yêu cầu gì.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại cùng xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo T đã tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả cho bị hại đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo H tự thú về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự do các bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51, nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 54 của Bộ luật hình sự.

[6] Kiểm sát viên đề nghị giải quyết nội dung vụ án này là đúng quy định pháp luật, Hội đồng xét xử đồng ý quan điểm của Kiểm sát viên.

[7] Về xử lý vật chứng: Không có, nên không xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trương Thị Kiều O và người đại diện hợp pháp của O đã nhận 10.000.000 đồng tiền bồi thường từ gia đình bị cáo T, Kiều O và người đại diện hợp pháp của Kiều O yêu cầu bị cáo T tiếp tục bồi thường 10.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần, yêu cầu bị cáo H bồi thường 20.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần. Yêu cầu bồi thường của bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại được các bị cáo đồng ý nên công nhận sự thỏa thuận này là phù hợp quy định pháp luật.

Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu T và H bồi thường tiền bán 02 chiếc nhẫn vàng của O nên không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 145; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Võ Thái H phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

Xử phạt bị cáo Võ Thái H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 09/3/2021.

2. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 02 (hai) năm tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 01/4/2021.

3. Về Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 592 Bộ luật dân sự tuyên:

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Hữu T với bị hại O và người đại diện hợp pháp của bị hại O là bị cáo Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại O và người đại diện hợp pháp của bị hại O số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Võ Thái H với bị hại O và người đại diện hợp pháp của bị hại O là bị cáo Võ Thái H có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại O và người đại diện hợp pháp của bị hại O số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Võ Thái H và Nguyễn Hữu T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Võ Thái H phải chịu 1.000.000 đồng (một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 28/6/2021. Đối với

các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính 15 ngày từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND tỉnh ĐT;
- VKSND H.Lai Vung;
- CCTHA-DS H.Lai Vung;
- Cơ quan điều tra H. Lai Vung;
- Cơ quan THAHS H. Lai Vung;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Văn Út